

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, chia tài sản chung và nợ chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pi Sách

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Danh Đẹp;

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Danh Ly Khang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa –*
Ông Bành Bảo Ngọc – *Kiểm sát viên*

Ngày 18 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh
Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2024/TLST-HNGĐ ngày
25 tháng 11 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản
chung và nợ chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXX-HNGĐ,
ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Danh Thị Thanh Tuyên**, sinh năm: 2000

Địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa 2, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên
Giang.

* Bị đơn: Anh **Danh Thời**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

* Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan: Bà **Thị Sương**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Danh Thị Thanh Tuyền trình bày:** Vào năm 2020 chị và anh Thời có kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chị và anh Thời có 02 người con chung tên Danh Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2020 và Danh Trọng Thái, sinh ngày 03/02/2018 hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung chị và anh Thời có xây một căn nhà trên đất của mẹ ruột anh Thời là bà Thị Sương, giá trị căn nhà là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) hiện nay căn nhà anh Thời đang quản lý và sử dụng. Về nợ chung có nợ mẹ ruột anh Thời tên Thị Sương, sinh năm: 1964, địa chỉ ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để xây nhà.

Hiện nay vợ chồng chị có mâu thuẫn không thể giải quyết được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Danh Thời;
- Về con chung: Chị Tuyền xin tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Danh Trọng Thái, sinh ngày 03/02/2018 và Danh Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2020 không yêu cầu anh Thời cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: Có căn nhà trị giá 400.000.000đ(bốn trăm triệu đồng), tôi yêu cầu chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, do căn nhà anh Thời đang quản lý và sử dụng nên tôi đồng ý giao nhà cho anh Thời tiếp tục sử dụng và yêu cầu anh Thời thối lại tôi $\frac{1}{2}$ giá trị bằng số tiền 200.000.00đ(hai trăm triệu đồng)
- Về nợ chung: Có nợ mẹ chồng tên Thị Sương tôi 100.000.000đ, tôi xin được chịu $\frac{1}{2}$ và đồng ý trả bà Sương số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

*** Bị đơn anh Danh Thời trình bày:** Vào năm 2020 anh Thời và vợ tôi tên Danh Thị Thanh Tuyền có kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh và vợ anh có 02 người con chung tên Danh Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2020 và Danh Trọng Thái, sinh ngày 03/02/2018 hiện đang sống cùng với vợ anh.

Về tài sản chung anh và vợ anh có xây một căn nhà trên đất của mẹ ruột anh cho, giá trị căn nhà là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) hiện nay căn nhà anh

đang quản lý và sử dụng. Về nợ chung khi xây nhà vợ chồng anh mượn tiền của mẹ anh tên Thị Sương, sinh năm: 1964, địa chỉ ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang số tiền là 100.000.000đ(một trăm triệu đồng) đến nay chưa trả. Hiện nay vợ chồng anh có mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ý kiến của anh như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với vợ tên Danh Thị Thanh Tuyền.

- Về con chung: Anh Thời đồng ý giao 02 người con chung tên Danh Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2020 và Danh Trọng Thái, sinh ngày 03/02/2018 cho chị Tuyền tiếp tục nuôi dưỡng, anh Thời đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tôi xác nhận có căn nhà trị giá 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), hiện nay anh đang quản lý và sử dụng nhưng anh không đồng ý chia cho vợ vì anh không có khả năng thôi lại cho chị Tuyền.

- Về nợ chung: Có nợ mẹ ruột anh tên Thị Sương tôi 100.000.000đ, anh xin được chịu ½ và đồng ý trả bà Sương số tiền 50.000.000đ.

*** Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan, bà Thị Sương trình bày:** Bà Sương là mẹ ruột của Danh Thời, vào năm 2021 bà có cho vợ chồng Danh Thời và chị Danh Thị Thanh Tuyền mượn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để xây nhà nhưng đến nay vợ chồng Danh Thời, Danh Thị Thanh Tuyền chưa trả cho bà. Nay vợ chồng Thời, Tuyền ly hôn với nhau thì bà yêu cầu vợ chồng Thời, Tuyền phải trả cho bà số tiền 100.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất. Đối với diện tích đất mà bà cho vợ chồng Thời, Tuyền xây nhà hiện nay đã sang tên cho Danh Thời đứng tên nên bà không có tranh chấp.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị Thanh Tuyền về việc xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung với bị đơn anh Danh Thời

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Danh Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2020 và Danh Trọng Thái, sinh ngày 03/02/2018(theo nguyện vọng của cháu Thái) cho chị Tuyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Tuyền không yêu cầu anh Thời cấp dưỡng nên không xem.

- Về tài sản chung: Các bên thỏa thuận và thống nhất giá trị căn nhà tranh chấp là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và xác định đây là tài sản chung, do đó khi ly hôn chị Tuyền yêu cầu xin chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà bằng số tiền 200.000.000đ là có căn cứ.

- Về nợ chung: Tại phiên tòa các bên đều thừa nhận có nợ bà Thị Sương số tiền 100.000.000đ, bà Sương yêu cầu chị Tuyền và anh Thời phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Sương mỗi người 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

[1.1] - Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Danh Thời có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] - Xét về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 20-11-2024 chị Danh Thị Thanh Tuyền có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung với anh Danh Thời, đồng thời bà Thị Sương là người liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu vợ chồng chị Tuyền, anh Thời có trách nhiệm trả nợ cho bà Sương. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung*”.

[2] - *Về nội dung vụ án:*

[2.1] – Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Danh Thị Thanh Tuyền và anh Danh Thời đều xác nhận hai kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết theo quy định của pháp luật được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa chị Tuyền và anh Thời đều trình bày cuộc vợ chồng của 02 người thời gian gần đây thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết nên chị Tuyền làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Thời, đồng thời ý kiến của anh Thời cũng thống nhất ly hôn với chị Tuyền. Do vậy, yêu cầu của chị Tuyền xin ly hôn với anh Thời là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] – Về quan hệ con chung: Chị Tuyền và anh Thời xác định trong thời gian chung sống với nhau thì 02 vợ chồng có hai người con chung tên Danh Trọng Thái, sinh ngày 03/02/2018 và Danh Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2020, cả 02 người con hiện nay đều đang sống cùng chị Tuyền.

[2.2.1] – Xét yêu cầu của chị Tuyền xin tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung tên Danh Trọng Thái, sinh ngày 03/02/2018 và Danh Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2020. Tại phiên tòa anh Thời cũng thống nhất giao 02 người con chung cho chị Tuyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX thấy rằng sự thỏa thuận này là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận là giao 02 người con cho chị Tuyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.2.2] - Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Tuyền về quyền yêu cầu anh Thời cấp dưỡng nuôi cháu Thái và cháu Anh Thư cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Tuyền xác định không yêu cầu anh Thời cấp dưỡng nuôi con và việc chị Tuyền không yêu cầu anh Thời phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[2.3] – *Về tài sản chung:* Chị Tuyền và anh Thời xác nhận trong thời gian chung sống 02 vợ chồng có tạo lập được một căn nhà chung đang xây trên đất của mẹ ruột anh Thời là bà Thị Sương cho hiện nay đã được sang tên cho anh Thời đứng tên. Kể từ ly thân đến nay căn nhà do anh Thời đang quản lý và sử dụng, trong quá giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu định giá căn nhà tranh chấp nhưng các bên không yêu cầu và thống

nhất giá trị căn nhà là 400.000.000đ(bốn trăm triệu đồng). Việc hai bên không yêu cầu định giá và thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[2.3.1] - Xét yêu cầu của chị Tuyền đồng ý giao căn nhà là tài sản chung của vợ chồng cho anh Thời tiếp tục quản lý và sử dụng và yêu cầu anh Thời có nghĩa vụ thối lại cho chị Tuyền $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà bằng số tiền 200.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì cả 02 vợ chồng đều thống nhất căn nhà trên là tài sản chung của vợ chồng, đồng thời cũng thống nhất giá trị căn nhà trên là 400.000.000đ, hơn nữa kể từ khi ly thân đến nay căn nhà do anh Thời quản lý, sử dụng nên cần cho anh Thời được nhận, đồng thời buộc anh Thời có trách nhiệm thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho chị Tuyền bằng số tiền là 200.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế.

[2.3.2] – Xét yêu cầu của anh Thời yêu cầu được chia toàn bộ căn nhà và không đồng ý thối lại cho chị Tuyền $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với lý do anh Thời không có tiền là không có cơ sở chấp nhận như phân tích ở trên.

[2.3.3] – Đối với diện tích đất mà mẹ anh Thời cho vợ chồng anh Thời hiện nay đã sang tên cho anh Thời đứng tên, do chị Tuyền xác định không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này cả 02 bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án sau.

[2.4] - *Về nợ chung*: Chị Tuyền và anh Thời đề thừa nhận có nợ bà Thị Sương 100.000.000đ mục đích của việc vay nợ là để xây nhà, đến nay chưa trả.

[2.4.1] – Xét yêu cầu của người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan bà Thị Sương yêu cầu vợ chồng chị Tuyền, anh Thời có trách nhiệm trả nợ cho bà số tiền vay gốc là 100.000.000đ (yêu cầu chị Tuyền trả 50.000.000đ và yêu cầu anh Thời trả 50.000.000đ) là có căn cứ chấp nhận, bởi vì chị Tuyền và anh Thời đều thừa nhận có nợ số tiền nợ trên và đồng ý trả nợ cho bà Sương theo yêu cầu của bà Sương. Do đó cần xử buộc chị Tuyền và anh Thời có trách nhiệm trả cho bà Thị Sương số tiền vay gốc là 100.000.000đ(một trăm triệu đồng), cụ thể là chị Tuyền 50.000.000đ và anh Thời 50.000.000đ là phù hợp.

[2.4.2] – Đối với phần lãi suất, do bà Sương không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Tuyền là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ.

Chị Tuyền và anh Thời phải chi án phí dân sự sơ thẩm theo quy định cụ thể như sau:

Án phí chia tài sản chung $200.000.000đ \times 5\% = 10.000.000đ$

Án phí nợ chung: $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000đ$

Tổng cộng là 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Tuyền phải chi 7.500.000đ án phí dân sự và 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, tổng cộng chị Tuyền phải chịu 7.800.000đ án phí. Anh Thời phải chịu 7.500.000 tiền án phí. Bà Sương thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 104, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 232, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; 56, Điều 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Danh Thị Thanh Tuyền về việc “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung* ” với bị đơn anh Danh Thời.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Danh Thị Thanh Tuyền được ly hôn với anh Danh Thời.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Danh Trọng Thái, sinh ngày 03/02/2018 (theo nguyện của con) và Danh Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2020 cho chị Tuyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Do chị Tuyền không có yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét, nếu sau này chị Tuyền có yêu cầu thì chị Tuyền có quyền khởi kiện yêu cầu anh Thời cấp dưỡng theo quy định.

4. Về tài sản chung: Giao cho anh Danh Thời được chia căn nhà chung của 02 vợ chồng hiện nay do anh Thời đang quản lý, sử dụng. Buộc anh Thời có trách nhiệm thối lại cho chị Tuyền số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Thị Sương, buộc chị Tuyền trả cho bà Thị Sương 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), buộc anh Thời trả cho bà Thị Sương 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Địa điểm giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí: Buộc chị Tuyền phải chịu các khoản án phí tổng cộng là 7.800.000đ, nhưng chị Tuyền được khấu trừ vào 5.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010343, ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, nên chị Tuyền phải nộp thêm 2.500.000đồng.

Anh Danh Thời phải chịu án phí tổng cộng là 7.500.000đ nhưng anh Thời được khấu trừ vào 1.000.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010504, ngày 18/02/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, nên anh Thời phải nộp thêm 6.500.000đồng. Bà Thị Sương thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

